TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1984; Nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường B, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Anh Trần Đăng H1, sinh năm 1981; Nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị H và anh Trần Đăng H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Trần Đăng H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Đăng H1 có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 (hai) con chung là Trần Mạnh H2, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Gia H3, sinh ngày 02/9/2017 cho đến khi các con chung Trần Mạnh H2 và Trần Gia H3 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nông Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Đăng H1 không yêu cầu chị Nông Thị H cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung Trần Mạnh H2, Trần Gia H3.

- Về tài sản chung: Chị Nông Thị H và anh Trần Đăng H1 không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị Nông Thị H và anh Trần Đăng H1 không có nợ chung.

- Về án phí: Chị Nông Thị H tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nông Thị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000761 ngày 03/9/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. H4 lại cho chị Nông Thị H số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01);
- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên (03);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01);
- UBND xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (01);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Vang